

chủ quản và Bộ Tài chính. Các trường hợp ngoại lệ quyết toán với ADB.

G. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG BỘ MÁY CHO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CẤP HUYỆN VÀ TỔ THỰC THI TIỂU DỰ ÁN XÃ

Đối với huyện và xã đã có Báo cáo nghiên cứu khả thi tiểu dự án/Kế hoạch phát triển xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kinh phí hoạt động thường xuyên được tính như sau:

1. Ban quản lý dự án huyện:

- Công tác phí đối với các Ban quản lý dự án huyện được áp dụng theo các định mức chi tại điểm C - Chế độ công tác phí, nhưng mức chi cho công tác phí hàng tháng không vượt quá 20 ngày/tháng/1 Ban.

- Chi phí khác: Văn phòng phẩm, mua sắm dụng cụ văn phòng, xăng dầu... theo kế hoạch được duyệt hàng năm với mức khoán không quá 2.000.000 đồng/tháng/1 Ban.

2. Tổ thực thi tiểu dự án xã.

Chi hoạt động bộ máy với mức khoán tối đa không quá 500.000 đồng/tổ/tháng.

Mọi khoản chi của Ban quản lý dự án huyện và Tổ thực thi tiểu dự án xã phải có đầy đủ chứng từ theo quy định của Nhà nước.

Kinh phí hoạt động bộ máy của Ban quản lý dự án huyện và Tổ thực thi tiểu dự án xã được tính trong tổng dự toán chi thường xuyên hàng năm của Ban quản lý dự án tỉnh được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

Ban quản lý dự án tỉnh cấp phát trực tiếp kinh phí chi thường xuyên cho Ban quản lý dự án cấp huyện và Tổ thực thi tiểu dự án xã.

Căn cứ vào định mức chi tiêu trên, các Giám

đốc dự án cần cân đối các khoản chi để không chi vượt khung ngân sách đã duyệt, cần có các quy định cụ thể hơn để sử dụng định mức trên có hiệu quả, thúc đẩy các hoạt động của dự án.

Riêng các khoản chi phí phát sinh trước thời điểm ban hành hướng dẫn này, dự án được thanh toán theo quy định tại Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC ngày 09/11/2001 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh về Ban điều hành quốc gia dự án để kịp thời giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn

Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

QUYẾT ĐỊNH số 74/2002/QĐ-BNN ngày 19/8/2002 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 24/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-BCS ngày 30/11/2001 của Ban cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sắp xếp lại tổ chức và xây dựng hệ thống Viện nghiên cứu;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long là đơn vị sự nghiệp khoa học vùng đồng bằng sông Cửu Long, được thành lập theo Quyết định số 24/CT ngày 09/1/1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Viện có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề khoa học công nghệ về cây lúa và hệ thống nông nghiệp phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Viện được ngân sách đầu tư và cấp kinh phí hoạt động, được sử dụng con dấu và mở tài khoản riêng tại kho bạc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trụ sở chính của Viện đặt tại tỉnh Cần Thơ như hiện nay.

Điều 2. Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long có nhiệm vụ chủ yếu sau:

2.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng năm, ngắn hạn và dài hạn của vùng đồng bằng sông Cửu Long trình Bộ xét duyệt trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, các chương trình khoa học công nghệ về nông lâm ngư nghiệp của Nhà nước;

2.2. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công

nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long, các vùng có điều kiện tương tự, bao gồm các nội dung sau:

- Di truyền, chọn tạo và nhân giống lúa và các loại cây trồng trong hệ thống cây trồng có lúa.

- Các biện pháp kỹ thuật canh tác và phòng trừ dịch hại.

- Sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên đất, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường sinh thái nông nghiệp.

- Cơ giới hóa nông nghiệp và bảo quản chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Phát triển hệ thống nông nghiệp.

- Kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các tổ chức khoa học có liên quan trong các lĩnh vực: chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản... phục vụ cho sự phát triển nông nghiệp bền vững và xây dựng nông thôn mới của vùng.

2.3. Đào tạo, tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất và sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực nghiên cứu của Viện theo các quy định hiện hành.

2.4. Thực hiện hợp tác quốc tế khoa học - công nghệ thuộc lĩnh vực nghiên cứu của Viện theo phân cấp và quy định của Nhà nước.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Viện gồm có:

3.1. Lãnh đạo viện: Có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng giúp việc Viện trưởng. Viện trưởng, Phó Viện trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm có thời hạn, miễn nhiệm.

3.2. Các tổ chức nghiệp vụ:

- Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế.

- Phòng Tổ chức hành chính.

- Phòng Kế toán tài chính.

3.3. Các bộ môn nghiên cứu trực thuộc Viện:

+ Bộ môn Di truyền và chọn giống cây trồng.

+ Bộ môn Công nghệ sinh học.

+ Bộ môn Kỹ thuật canh tác.

+ Bộ môn Khoa học đất.

+ Bộ môn Bảo vệ thực vật.

+ Bộ môn Kỹ thuật hạt giống

+ Bộ môn Hệ thống lâm nghiệp.

+ Bộ môn Cơ điện nông nghiệp.

3.4. Các tổ chức sử dụng con dấu và tài khoản riêng trực thuộc Viện:

+ Trung tâm Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: theo Quyết định số 107/NN-CNTT-TCCB-QĐ ngày 13/6/1987 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), kể cả Trạm nghiên cứu đất phèn Đồng Tháp Mười.

+ Trường dạy nghề nông nghiệp và phát triển nông thôn Nam Bộ, theo Quyết định số 987/NN-TCCB-QĐ ngày 25/5/1997 và số 166/BNB-TCCB-QĐ ngày 18/2/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Các phòng có Trưởng phòng, Phó trưởng phòng; Trung tâm có Giám đốc và Phó giám đốc; Bộ môn có Trưởng bộ môn và Phó trưởng bộ môn. Bộ môn trực thuộc Viện là tổ chức tương đương với cấp phòng trực thuộc Viện.

Trưởng, Phó các phòng, bộ môn; Giám đốc và Phó giám đốc Trung tâm; Phó hiệu trưởng do Viện trưởng bổ nhiệm có thời hạn, miễn nhiệm theo phân cấp của Bộ.

Điều 4. Giao cho Viện trưởng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long quy định nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức biên chế, quy chế hoạt động cho các tổ chức trực thuộc Viện; đăng ký và hoạt động khoa

học công nghệ của Viện với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký, các quyết định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Viện trước đây trái với Quyết định này không còn hiệu lực thi hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ và Viện trưởng Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

QUYẾT ĐỊNH số 75/2002/QĐ-BNN ngày 19/8/2002 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 24/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ;